

Các nước láng giềng trong chính sách đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới

UÔNG MINH LONG*

Có thể nói, một trong những thành công nổi bật nhất của đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới là quá trình xử lý mối quan hệ với các nước láng giềng, bao gồm các nước có chung biên giới (Lào, Campuchia, Trung Quốc) và các nước trong khu vực Đông Nam Á. Mười năm sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Việt Nam phải đối mặt trước những khó khăn thử thách hết sức nghiêm trọng: nền kinh tế-xã hội lâm vào khủng hoảng ngày càng trở nên gay gắt, an ninh quốc gia bị đe dọa bởi tình trạng vừa có hòa bình, vừa có chiến tranh, các thế lực đế quốc thù địch xiết chặt bao vây cấm vận, quan hệ đối ngoại bị thu hẹp trước hết là do những trở ngại từ “vấn đề Campuchia”. Bởi vậy, bước vào thời kỳ đổi mới, Việt Nam đứng trước những đòi hỏi bức bách mang ý nghĩa sinh tử là phải tìm cách thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, phá được thế bị bao vây cô lập về đối ngoại, tiếp tục thực hiện mục tiêu

con đường phát triển đã lựa chọn.

Trong bối cảnh đó, trên bình diện đối ngoại Đảng và Nhà nước Việt Nam nỗ lực đổi mới tư duy, vận dụng sáng tạo tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh về “thêm bạn, bớt thù”, “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”⁽¹⁾, mở rộng và đa phương hóa quan hệ quốc tế, tìm ra khâu đột phá để thoát vòng bao vây cô lập của các thế lực thù địch. Cùng với chủ trương bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc và Mỹ, Việt Nam đặc biệt coi trọng tiến trình cải thiện quan hệ với các nước láng giềng Đông Nam Á, trong đó xác định giải quyết chính trị vấn đề Campuchia là một điểm đột phá, tạo môi trường quốc tế hoà bình, ổn định ở khu vực, thuận lợi cho phát triển đất nước.

Do tương quan lực lượng ở Campuchia và sự dính líu của các thế lực quốc tế cho nên vấn đề Campuchia chỉ có thể giải quyết bằng một giải pháp chính trị. Từ nhận thức này, sau Đại hội VI (1986) Việt

* Ths. Uông Minh Long, Trưởng Chính trị Tô Hiệu, Hải Phòng

Nam một mặt tập trung giúp đỡ CHND Campuchia củng cố lực lượng trên các mặt tạo thuận lợi cho việc thực hiện một giải pháp chính trị; đồng thời tiến hành rút toàn bộ quân tình nguyện khỏi Campuchia. Việc Việt Nam đơn phương rút hết quân và rút sớm hơn dự kiến đã tác động tích cực, làm chuyển biến thái độ của các nước liên quan, trước hết là Trung Quốc và các nước Đông Nam Á khác. Đồng thời, điều đó đã tạo đà thúc đẩy nhanh xu thế đối thoại, tăng sức ép đối phương đi vào giải pháp, vô hiệu hoá con bài đòi "rút quân Việt Nam" được dùng để chống phá Việt Nam, làm thay đổi cơ bản tính chất cuộc đấu tranh ở Campuchia, biến nó thành cuộc đấu tranh nội bộ giữa bên của Campuchia là chủ yếu.

Việt Nam đã có những bước đi ngày càng chủ động và tích cực nhằm góp phần nhanh chóng tìm ra giải pháp chính trị toàn bộ, công bằng hợp lý cho vấn đề Campuchia. Việc ký Hiệp định Pari ngày 23/10/1991 đánh dấu sự kết thúc quá trình tìm kiếm và đi đến một giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia là sự ghi nhận những đóng góp của Việt Nam và cũng là một thắng lợi trong triển khai chính sách đối ngoại đổi mới nói chung, chính sách với các nước láng giềng nói riêng, tạo điều kiện đưa Việt Nam thoát ra khỏi vòng bị bao vây, cô lập kéo dài của các thế lực thù địch.

Củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa ba nước Đông Dương luôn là

một ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với các nước láng giềng và khu vực. Trong quan hệ với Lào, tình hữu nghị đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện có nhiều bước phát triển quan trọng và vẫn sâu đậm nghĩa tình thủy chung trong sáng. Việt Nam triển khai hợp tác một cách toàn diện, giúp bạn phát triển kinh tế-xã hội với hàng loạt các hạng mục kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa, giáo dục-đào tạo..., góp phần duy trì ổn định chính trị-xã hội, an ninh của Lào. Việt Nam một mặt lấy mối quan hệ mật thiết giữa hai Đảng làm nòng cốt, mặt khác không ngừng mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế, coi đó là tiền đề vật chất gắn kết hai nước trên cơ sở lâu dài, bền vững. Các cơ chế tiếp xúc cấp cao cùng với những hình thức hợp tác phong phú, hiệu quả giữa các bộ, ngành và địa phương hai nước được duy trì, đổi mới thường xuyên, thúc đẩy mối quan hệ hợp tác ngày càng tiến triển theo hướng thực chất hơn, phát huy thế mạnh và tiềm năng của mỗi nước, bình đẳng, cùng có lợi, dành sự ưu tiên ưu đãi hợp lý cho nhau, phù hợp với tính chất của quan hệ đặc biệt giữa hai nước. Đồng thời, Việt Nam chú trọng giải quyết tốt những vấn đề còn tồn tại, làm thất bại âm mưu của các thế lực quốc tế vẫn tìm cách tác động, chia rẽ giữa hai nước nhằm hạn chế ảnh hưởng và vị thế của Việt Nam ở Lào. Hiện nay, Việt Nam vẫn là một trong những đối tác kinh tế hàng đầu của Lào với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 1 tỷ USD, kim ngạch thương

mại đạt trên 300 triệu USD.

Việt Nam đã kịp thời điều chỉnh quan hệ với Campuchia trên cơ sở mới phù hợp với tình hình đã thay đổi sau khi có giải pháp cho vấn đề Campuchia, phát triển quan hệ hữu nghị và láng giềng thân thiện, có quan hệ với cả hai đảng trong liên minh cầm quyền (Đảng nhân dân Campuchia - CPP và FUNCINPEC), thông qua thương lượng giải quyết những vấn đề còn tồn tại. Đến nay, hai nước xác lập phương châm chỉ đạo quan hệ là "*Hợp tác láng giềng tốt đẹp, đoàn kết hữu nghị truyền thống, ổn định lâu dài*". Hai bên đã ký nhiều hiệp định hợp tác trong các lĩnh vực, trong đó đáng chú ý nhất và quan trọng nhất là việc Campuchia (10/2005) ký Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia năm 1985, cam kết công nhận và tôn trọng các hiệp ước, hiệp định biên giới đã ký với Việt Nam những năm 80. Cùng với những thành quả đạt được trong phân giới, cắm mốc biên giới, giải quyết vấn đề biên giới trên bộ và trên biển, hai bên đẩy mạnh hợp tác trên nhiều lĩnh vực như giáo dục, đào tạo, năng lượng - điện, y tế, giao thông vận tải... Hợp tác giữa các địa phương Việt Nam - Campuchia ghi nhận bước tiến nổi bật, với sự ra đời một cơ chế mới thông qua việc tổ chức Hội nghị Hợp tác phát triển giữa các tỉnh biên giới hai nước. Trao đổi thương mại tiến triển thuận lợi, năm 2008 đã đạt trên 1,3 tỷ USD, phấn đấu hướng tới mục tiêu đạt 2 tỷ USD vào năm 2010. Mặc dù

vậy, tình hình nội bộ Campuchia không đơn giản, vẫn ẩn chứa những nhân tố có thể ảnh hưởng đến quan hệ với Việt Nam. Những vấn đề lịch sử giữa hai nước vẫn tiếp tục bị các lực lượng nước ngoài lợi dụng tác động theo hướng chia rẽ quan hệ Việt Nam - Campuchia.

Trong chính sách với các nước láng giềng thời kỳ đổi mới, Việt Nam đặc biệt coi trọng tiến trình bình thường hóa và phát triển quan hệ hữu nghị với *Trung Quốc*. Sau Đại hội VI, Việt Nam đã xem xét lại toàn bộ mối quan hệ với Trung Quốc, khẳng định rõ Trung Quốc vẫn là một nước XHCN, nhân dân Trung Quốc là nhân dân cách mạng và có truyền thống hữu nghị lâu đời với nhân dân Việt Nam. Trung Quốc trong tư cách vừa là một nước láng giềng, vừa là một nước lớn, vừa là một nước XHCN được Việt Nam nhận thức có vai trò rất quan trọng đối với hoà bình, ổn định của Việt Nam và của cả Đông Nam Á, đồng thời cũng thấy rõ vị trí của Việt Nam trong chiến lược của Trung Quốc. Bình thường hoá và tăng cường phát triển quan hệ Việt - Trung là phù hợp với lợi ích cơ bản lâu dài của hai nước, với xu thế chung của thế giới.

Với những nỗ lực của cả hai bên, nhất là sự chủ động của Việt Nam, tháng 10/1991 quan hệ giữa hai Đảng, hai Nhà nước chính thức bình thường hoá. Việc bình thường hoá quan hệ sau hơn mười năm quan hệ không bình thường là một sự kiện rất quan trọng về mặt đảm bảo an

ninh quốc gia của Việt Nam cũng như tạo ra môi trường khu vực và quốc tế thuận lợi cho Việt Nam mở rộng quan hệ hợp tác với các nước khác⁽²⁾. Kể từ sau bình thường hóa đến nay, quan hệ Việt-Trung có những bước phát triển nhanh và toàn diện. Khung khổ quan hệ hai nước được chính thức xác định với 16 chữ: “*Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai*”, tiếp đó được bổ sung thêm tinh thần 4 tốt: “*Láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt*”. Đây là những cơ sở để Việt Nam và Trung Quốc nâng mối quan hệ lên tầm “Quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện” (2008). Hai bên có nhận thức chung rộng rãi, chia sẻ sự tương đồng quan điểm đối với nhiều vấn đề quốc tế và khu vực. Hợp tác kinh tế, thương mại Việt - Trung tăng trưởng nhanh. Hai nước đã ký Hiệp ước về biên giới trên đất liền, Hiệp định về phân định Vịnh Bắc Bộ, Hiệp định giải quyết vấn đề lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa hai nước trong Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá trong Vịnh Bắc Bộ. Đặc biệt, ngày 31/12/2008 hai nước đã ra Thông báo chung tuyên bố kết thúc công tác phân giới cắm mốc trên đất liền. Đây là sự kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại trong quan hệ Việt- Trung. Lần đầu tiên trong lịch sử, hai nước xác định được một đường biên giới rõ ràng trên đất liền với một hệ thống mốc giới hiện đại, đặt nền tảng thuận lợi cho việc xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, lâu dài, hợp tác

và phát triển, tạo điều kiện để hai nước giải quyết các vấn đề liên quan đến lãnh hải và biển Đông. Trong quan hệ với Trung Quốc, Việt Nam đã quán triệt tốt phương châm “vừa hợp tác vừa đấu tranh” đối với những vấn đề còn bất đồng và tranh chấp, kiên trì lập trường nguyên tắc và sự độc lập tự chủ của mình.

Triển khai đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa, Đảng và Nhà nước Việt Nam coi trọng xây dựng và phát triển quan hệ với các nước ASEAN. Gia nhập ASEAN trở thành một đột phá khẩu trong chính sách đối ngoại của Việt Nam và điều đó cho thấy rõ ưu tiên của Việt Nam đối với khu vực. Chính sách khu vực “sở dĩ cần đặc biệt coi trọng vì tính chất địa lý - chính trị của nó, đồng thời vì nó là sự bắc cầu vào thế giới”⁽³⁾. Từ sau sự kiện này, Việt Nam từng bước thoát khỏi tình trạng bị bao vây, cô lập để bước vào một giai đoạn phát triển theo hướng hội nhập khu vực mạnh mẽ, đồng thời cải thiện rõ rệt thế và quan hệ với các nước lớn. Nói cách khác, nếu không là thành viên ASEAN, quan hệ của Việt Nam với các nước lớn khó có thể phát triển như thực tế đã diễn ra.

Sau khi gia nhập ASEAN, Việt Nam nỗ lực thực hiện đầy đủ mọi cam kết và trách nhiệm của một nước thành viên, tích cực, chủ động đưa ra những sáng kiến nhằm thúc đẩy sự hợp tác khu vực, hoàn thành nhiều trọng trách trước Hiệp hội. Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị cấp cao

ASEAN-VI (12/1998) với chủ đề “Đoàn kết, hợp tác vì một ASEAN hoà bình, ổn định và phát triển đồng đều”, tại đây ASEAN đã thông qua “Tuyên bố Hà Nội”, “Chương trình hành động Hà Nội” làm cơ sở cho quan hệ hợp tác hiện tại và tương lai giữa các nước ASEAN với nhau cũng như giữa các nước ASEAN với bên ngoài. Việt Nam tiếp tục mở rộng quan hệ nhiều mặt, trên nhiều tầng nấc trong khuôn khổ đa phương và song phương với các nước ASEAN, đóng góp thiết thực vào quá trình hợp tác liên kết của hiệp hội hướng tới mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 với ba trụ cột: Cộng đồng An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN.

Việt Nam đã cùng với các nước thành viên khác tạo ra lợi thế để phát huy nội lực của Hiệp hội đối với hợp tác về chính trị, an ninh. Về kinh tế, Việt Nam đã thực hiện nghiêm túc các cam kết theo CEPT/AFTA và tích cực tham gia vào các lĩnh vực hợp tác kinh tế cụ thể khác như tài chính tiền tệ, dịch vụ, công nghiệp, năng lượng và giao thông vận tải... Đối với tiến trình thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN, Việt Nam đưa ra sáng kiến quan trọng về phát triển kinh tế các vùng nghèo liên quốc gia dọc hành lang Đông Tây (WEC) và đóng góp tích cực vào các chương trình dự án lớn của ASEAN như Sáng kiến hội nhập ASEAN (IAI) và Chương trình hợp tác ủy hội sông Mêkông. Đến nay, kim ngạch thương mại

với ASEAN đã chiếm 1/4 kim ngạch ngoại thương của Việt Nam. Các nước ASEAN hiện có gần 1 nghìn dự án đầu tư đang triển khai ở Việt Nam, với số vốn đầu tư trên 13 tỉ USD, chiếm gần 20% vốn đầu tư các dự án nước ngoài ở Việt Nam. Mặt khác, Việt Nam còn tham gia với tinh thần trách nhiệm vào các cơ chế hợp tác đa phương của ASEAN với các đối tác bên ngoài như: ASEAN+1, ASEAN+3, Hợp tác Á - Âu (ASEM), Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á...

Những thành tựu đạt được trong chính sách và quan hệ với các nước láng giềng đã đóng góp tích cực vào quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng của Việt Nam với khu vực và thế giới, củng cố thế và lực của Việt Nam trên trường quốc tế. Và quan trọng hơn, điều đó đã góp phần tạo lập, giữ vững môi trường khu vực và quốc tế hòa bình thuận lợi cho công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc./

CHÚ THÍCH

1. Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, Nxb CTQG, Hà Nội 1995, tr.220.
2. Bộ Ngoại giao, *Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. 1995, tr. 110.
3. Nguyễn Mạnh Cần, *Trên đường triển khai chính sách đối ngoại theo định hướng mới*, Tạp chí Cộng Sản, 8/1992, tr.12.